

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá, dự toán kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt VP-07, VP-09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 53/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-BGTVT ngày 18/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Hướng dẫn phương pháp xây dựng một số định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định 06/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Văn bản số 2872/UBND-KT2 ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trên 02 tuyến xe buýt VP-07 và VP-09 trong thời gian tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 115/TTr-SXD ngày 23/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá, dự toán kinh phí, đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trên các tuyến xe buýt VP-07, VP-09:

1. Tên dịch vụ: Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên các tuyến: VP-07 (Vĩnh Yên - Tam Đảo) và VP-09 (Vĩnh Tường - Phúc Yên).

2. Cơ quan thẩm quyền quyết định đặt hàng: UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Hình thức thực hiện: Đặt hàng

4. Cơ quan thực hiện đặt hàng: Sở Xây dựng Vĩnh Phúc.

5. Thời gian thực hiện đặt hàng: 06 tháng kể từ ngày đặt hàng (tạm tính thời gian 182 ngày bằng với thời gian đặt hàng giai đoạn trước, thời gian đặt hàng có thể kết thúc sớm hơn trong trường hợp hoàn thành xong thủ tục đấu thầu tuyến VP-07, VP-09 và sẵn sàng đi vào hoạt động)

6. Thời điểm thực hiện: Trong năm 2025.

7. Phương thức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng thương thảo, ký Hợp đồng đặt hàng với Công ty TNHH MTV vận tải ô tô Vĩnh Phúc; quản lý, nghiệm thu kết quả thực hiện; thanh, quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trên các tuyến xe buýt VP-07, VP-09.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

- Các khoản chi phí phát sinh do thay đổi giá nhiên liệu, mức lương cơ sở, giá vé, điều chỉnh lộ trình tuyến... được thanh toán theo thực tế trên cơ sở Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Nội dung công việc

- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên các tuyến VP-07 (Vĩnh Yên - Tam Đảo) và VP-09 (Vĩnh Tường - Phúc Yên) với thời gian 182 ngày (bằng thời gian đã đặt hàng trước đây tại Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 25/10/2024).

- Cự ly vận chuyển: Tuyến VP-07: 37 Km, Tuyến VP-09: 41,5 Km (xác định theo thực tế đã nghiệm thu, thanh toán).

- Số lượt xe chạy mỗi ngày: Tuyến VP-07: 52 lượt, Tuyến VP-09: 54 lượt.

- Tổng số lượt xe vận chuyển: Tuyến VP-07: 9.464 lượt, Tuyến VP-09: 9.828 lượt.

- Tổng Km hành trình xe chạy: Tuyến VP-07: 350.168 Km, Tuyến VP-09: 407.862 Km.

- Lộ trình tuyến và biểu đồ xe chạy (*chi tiết tại các phụ lục kèm theo*).

9. Phương tiện đặt hàng cung cấp dịch vụ

- Tuyến xe buýt VP-07: gồm 07 xe buýt DAEWOO BC95-E4 của Công ty TNHH xe buýt DAEWOO Việt Nam sản xuất, tải trọng thiết kế 60 chỗ (19 chỗ

ngồi, 41 chỗ đứng); do Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc đầu tư hiện đang tổ chức vận chuyển hành khách trên tuyến xe buýt VP-07.

- Tuyến xe buýt VP-09: gồm 09 xe buýt SAMCO BGQ1-E4 do Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn sản xuất, tải trọng thiết kế 51 chỗ (24 chỗ ngồi, 27 chỗ đứng) do Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc đầu tư hiện đang tổ chức vận chuyển hành khách trên tuyến xe buýt VP-09.

10. Giá vé áp dụng trên các tuyến:

Theo giá vé các tuyến đã và đang thực hiện, cụ thể:

- Vé tháng không ưu tiên 150.000 đồng/tháng;
- Vé tháng ưu tiên 120.000 đồng/tháng;
- Vé lượt: Tuyến VP07: 7.000 đồng/lượt; Tuyến VP09: 8.000 đồng/lượt.

11. Giá dự toán kinh phí đặt hàng: Tổng giá dự toán kinh phí đặt hàng dịch vụ vận chuyển hành khách trên 02 tuyến xe buýt VP-07, VP-09 trong khoảng thời gian 06 tháng là: **7.531.512.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng chẵn*), trong đó: tuyến VP-07: 3.408.852.000 đồng; tuyến VP-09: 4.122.660.000 đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

12. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp kinh tế đã giao cho Sở Xây dựng năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng:

- Tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng, quản lý và nghiệm thu kết quả theo đơn giá dự toán đã được phê duyệt làm cơ sở thanh, quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không gây lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

- Trường hợp có thay đổi về cơ chế, chính sách về tiền lương, định mức lao động, các thiết bị, vật tư có biến động về đơn giá máy móc, thiết bị, vật tư mà vượt khả năng đảm bảo triển khai thực hiện đặt hàng trong năm ngân sách mà cần phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung, Sở Xây dựng căn cứ các chế độ chính sách, quy định hiện hành làm cơ sở điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phù hợp với quy định

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị hoàn thiện các thủ tục liên quan và quyết toán kinh phí theo quy định; thường xuyên đôn đốc, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Giao Công ty TNHH MTV vận tải ô tô Vĩnh Phúc:

- Thực hiện đúng các nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này; các điều khoản ghi trong hợp đồng đặt hàng đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Thực hiện quản lý doanh thu, chống thất thoát doanh thu, tiết kiệm chi phí đặt hàng.

- Thường xuyên nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng phương tiện để phục vụ tốt nhu cầu đi lại của hành khách

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII; Giám đốc Công ty TNHH MTV vận tải ô tô Vĩnh Phúc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn